

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2022

“*V/v: Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐÓP-TỈNH BÌNH PHƯỚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Quang Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Mai Văn Rạng

Bà: Điều Thị Hương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lý Văn Hôn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị M, sinh năm: 1971(có mặt)

Bị đơn: ông Đoàn Văn Đ, sinh năm: 1974(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các biên bản làm việc, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà M và ông Đ sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà M và ông Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Năm 2009, ông Đ đã bỏ đi khỏi địa phương đến nay chưa thấy về, bà M đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Bà M thấy đời sống hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đoàn Văn Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà M và ông Đ có 02(hai) con chung tên Đoàn Thị Ngọc N, sinh năm 2000 và Đoàn Thị Ngọc D, sinh năm 2002. Khi ly hôn, các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Văn Đ vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa hôm nay. Mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt nên không có trình bày gì.

Tại các biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện B với Trưởng ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước là ông Q, ông cho biết vợ chồng bà M và ông Đ kết hôn tự nguyện tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng về ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước sinh sống được vài năm thì ông Đ bỏ đi khỏi địa phương đến nay không thấy về nên đại diện địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào.

Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Bà Trần Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu ly hôn ông Đoàn Văn Đ.

Ông Đoàn Năm Đ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu tại phiên tòa.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho bà Trần Thị M được ly hôn ông Đoàn Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, HĐXX nhận định

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M thuộc trường hợp “*Tranh chấp ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Ông Đoàn Văn Đ vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, niêm yết văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn theo quy định của pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: bà Trần Thị M và ông Đoàn Văn Đ tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn do vợ chồng bà Trần Thị M và ông Đoàn Văn Đ phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên đã sống ly thân từ năm 2009 cho đến nay. Vì vậy, hôn nhân giữa bà Trần Thị M và ông Đoàn Văn Đ đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị M.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà M và ông Đ có 02(hai) con chung tên Đoàn Thị Ngọc N sinh năm 2000 và Đoàn Thị Ngọc D sinh năm 2002. Khi ly hôn, các con chung đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: bà M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của ủy ban thường vụ quốc hội, bà Trần Thị Mai phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 232 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng khoản 4 Điều 147; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* bà Trần Thị M được ly hôn ông Đoàn Văn Đ.

2. *Về con chung:* Các con chung đã đủ 18 tuổi.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* bà Trần Thị M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị M đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017636 ngày 25/7/2022.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- Chi cục THADS huyện Bù Đốp;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Quang Lâm